TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1388/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thụy Phương Thảo.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà – Ngô Thị Lê Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 830/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và quyết định hõan phiên tòa số 413/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1981
HKTT: Số B đường C, khu phố D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: Số G đường C, khu phố D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A sinh năm: 1975
HKTT: Số B đường C, khu phố D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: Số G đđường C, khu phố D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nguyên đơn bà Hoàng Thị L xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:
Bà và ông Nguyễn Hoàng A chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2000 ngày 03/5/2000. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do về tài chính, quan điểm sống và cách sống, mối quan hệ mẹ chồng và nàng dâu. Bà đã cố gắng thay đổi và giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng ông A không quan tâm lo lắng cho gia đình. Nay tại Tòa bà xác định không thể hàn gắn hôn nhân, tình cảm dành cho nhau là không còn. Hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, lo lắng và chăm sóc nhau nên yêu cầu ly hôn dứt khóat.

Trong quá trình chung sống bà L và ông A có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng V sinh ngày 23/02/2001, Nguyễn Anh H sinh ngày 02/5/2005, Nguyễn Kim T sinh ngày 14/7/2007. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai trẻ Nguyễn Anh H và Nguyễn Kim T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị L bắt đầu chung sống từ năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc chỉ có thời gian gần đây thì ông trở nên ít nói do buồn vì bà L từng cho rằng ông nhu nhược. Thực chất vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Trong quá trình chung sống bà L và ông A có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng V sinh ngày 23/02/2001, Nguyễn Anh H sinh ngày 02/5/2005, Nguyễn Kim T sinh ngày 14/7/2007. Ông đồng ý giao cả hai trẻ Nguyễn Anh H và Nguyễn Kim T cho bà L nuôi dưỡng, ông xin hõan cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Anh H sinh ngày 02/5/2005, Nguyễn Kim T sinh ngày 14/7/2007 cho bà L nuôi dưỡng. Ông A không cấp dưỡng nuôi con. Riêng trẻ Nguyễn Hoàng V đã trưởng thành nên muốn sống với ai tùy ý.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị L khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A đang cư trú tại quận Thủ Đức. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16/9/2019,Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Hoàng A phải có mặt tại Tòa vào lúc 14 giờ ngày 03/10/2019 để tham gia hòa giải nhưng ông A không đến Tòa theo quy định.

Ngày 17/10/2019 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Hoàng A giấy triệu tập, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải phải có mặt tại Tòa vào lúc 9 giờ ngày 22/10/2019 để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A không đến Tòa theo quy định.

Ngày 25/10/2019,Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Hoàng A thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ số 102/TB-TA ngày 22/10/2019, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 22/10/2019 phải có mặt tại Tòa vào lúc 8 giờ ngày 11/11/2019 để nghe xét xử nhưng ông A không đến Tòa theo quy định.

Ngày 12/11/2019, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tiến hành tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 413 /2019/QĐST-HNGĐ cho ông A để nghe xét xử vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 28/11/2019 nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng A.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã giải thích, động viên bà Hoàng Thị L bỏ qua mọi mâu thuẫn để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà L không đồng ý quay về đoàn tụ mà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A do không còn tình cảm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2019, ông Nguyễn Hoàng A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Hoàng Thị L. Trong quá trình hòa giải mặc dù Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã nhiều lần tống đạt hợp lệ cho ông A đến Tòa nhưng ông A vẫn vắng mặt cho thấy ông A không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên cùng nhau gây dựng hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã mâu thuẫn nhưng vẫn không giải quyết được trong khoảng thời gian dài. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông A là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy nếu vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng giữa hai người cũng không có kết quả.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Anh H sinh ngày 02/5/2005, Nguyễn Kim T sinh ngày 14/7/2007 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. ông A không cấp dưỡng nuôi con. Riêng trẻ Nguyễn Hoàng V đã trưởng thành nên muốn sống với ai tùy ý.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung : không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí sơ thẩm: Do bà Hoàng Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hoàng Thị L:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A

2.Về con chung: có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng V sinh ngày 23/2/2001, Nguyễn Anh H sinh ngày 02/5/2005, Nguyễn Kim T sinh ngày 14/7/2007. Trẻ Nguyễn Hoàng Vi đã trưởng thành nên có quyền lựa chọn ở với cha hoặc mẹ. Giao hai con chung tên Nguyễn Anh H sinh ngày 02/5/2005, Nguyễn Kim T sinh ngày 14/7/2007 cho bà Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hoàng A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Hoàng Thị L tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003487 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức lập ngày 31/7/2019.

bà L đã nộp đủ tiền án phí, ông A không phải nộp tiền án phí.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Hoàng A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc ngày niêm yết bản sao trích lục án tại Ủy ban nhân dân phường.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thụy Phương Thảo